

Số: 170/2020/QĐ-PT

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT ĐỀ NGHỊ XEM XÉT LẠI ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP PHÁ SẢN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Tổ Thẩm phán - Hội đồng phúc thẩm gồm có:

- Tổ trưởng Tổ Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Hồng Phúc;
- Các Thẩm phán Thành viên: + Ông Hoàng Văn Hạnh;
+ Ông Nguyễn Vũ Đông;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên cao cấp.
- Thư ký ghi biên bản phiên họp: Ông Nguyễn Văn Hải - Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Căn cứ vụ việc tuyên bố phá sản doanh nghiệp đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý số 04/TLPS-PT ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc giải quyết đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp;
Căn cứ quy định tại Điều 112 của Luật phá sản năm 2014;

NHẬN THẤY:

Tại Quyết định số 01/2019/QĐ-TBPS ngày 21/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh A đã giải quyết việc tuyên bố phá sản doanh nghiệp, giữa:

Bên yêu cầu: Ông Nguyễn Xuân T, sinh ngày 07/4/1978, Giám đốc Công ty Cổ phần C;

Địa chỉ cư trú: Tiểu khu 21, thị trấn H, huyện S, tỉnh A;

Bên bị yêu cầu: Công ty Cổ phần C; Mã số doanh nghiệp số: 5500154783, do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh A cấp đăng ký lần đầu ngày 27/7/2009, đăng ký được thay đổi lần thứ 04 ngày 09/7/2012;

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Xuân T - Giám đốc Công ty Cổ phần C.

Địa chỉ trụ sở của Công ty tại: Km 9 - Quốc lộ 6 A - N, phường I, thành phố A, tỉnh A.

và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan tham gia thủ tục phá sản.

XÉT THẤY:

Tại Quyết định số 01/2019/QĐ-TBPS ngày 21/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh A đã căn cứ vào Điều 9, 54, 107, 108 và Điều 111 của Luật Phá sản; Quyết định mở thủ tục phá sản số 07/2018/QĐ-MTTPS ngày 18 tháng 6 năm 2018 đối với Công ty Cổ phần C và kết quả Hội nghị chủ nợ ngày 04/01/2019, quyết định:

1. Tuyên bố phá sản đối với Công ty Cổ phần C; địa chỉ: Km 9, phường I, thành phố A, tỉnh A.

2. Chấm dứt hoạt động của Công ty Cổ phần C; đình chỉ giao dịch liên quan đến doanh nghiệp; chấm dứt thực hiện nghĩa vụ tính lãi đối với doanh nghiệp; chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động và quyền của người lao động được giải quyết tại mục 5 của quyết định này.

3. Chấm dứt quyền hạn của đại diện Công ty Cổ phần C.

4. Thanh lý tài sản và bán đấu giá tài sản còn lại của Công ty Cổ phần C theo Bảng kê danh mục tài sản đính kèm.

Quyền tài sản của Công ty Cổ phần C được xác định theo Danh sách người mắc nợ đính kèm.

5. Phương án phân chia giá trị tài sản:

5.1. Tài sản của Công ty Cổ phần C được phân chia theo thứ tự sau:

a. Chi phí phá sản;

b. Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;

c. Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

5.2. Trường hợp giá trị tài sản của Công ty Cổ phần C sau khi đã thanh toán đủ các khoản quy định tại mục 5.1 của quyết định này mà vẫn còn thì phần còn lại này thuộc về các cổ đông của Công ty Cổ phần C theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số cổ phần sở hữu.

5.3. Nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán theo quy định tại mục 5.1 của quyết định này thì từng đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định.

7. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc được thông báo hợp lệ quyết định, Công ty Cổ phần C, các chủ nợ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh A, Cục Thuế tỉnh A, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh A có quyền đề nghị xem xét lại và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A có quyền kháng nghị đối với quyết định này.

Theo các văn bản kiến nghị của Cục Thi hành án dân sự tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A đã căn cứ vào Luật Phá sản; Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2019/QĐ-TBPS ngày 21 tháng 01 năm 2019 đối với Công ty Cổ phần C, ra

Quyết định sửa chữa bổ sung Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2019/QĐ-PS ngày 03/7/2019, theo đó quyết định:

Sửa chữa, bổ sung Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2019/QĐ-TBPS ngày 21 tháng 01 năm 2019 đối với Công ty Cổ phần C, địa chỉ: Km 9, phường I, thành phố A, tỉnh A, cụ thể như sau:

1. Tại mục 4, phần quyết định đã ghi: “Thanh lý tài sản và bán đấu giá tài sản còn lại của Công ty Cổ phần C theo Bảng kê danh mục tài sản đính kèm”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Thanh lý tài sản và bán đấu giá tài sản còn lại của Công ty Cổ phần C theo Bảng kê danh mục tài sản tại Phụ lục số 05”.

2. Tại mục 4, phần quyết định đã ghi: “Quyền tài sản của Công ty Cổ phần C được xác định theo Danh sách người mắc nợ đính kèm”. Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Quyền tài sản của Công ty Cổ phần C được xác định theo Danh sách người mắc nợ đính kèm (trong đó, danh mục người mắc nợ không có khả năng thu hồi Phụ lục số 01; người mắc nợ theo Chương trình 925 của tỉnh A Phụ lục số 02; người mắc nợ có địa chỉ và có khả năng thu hồi nợ Phụ lục số 03)”.

3. Tại điểm b mục 5.1, phần quyết định đã ghi: “Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết theo Phụ lục số 04”.

4. Tại điểm c mục 5.1, phần quyết định đã ghi: “Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ theo Phụ lục số 06”.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh A ra quyết định, bên bị yêu cầu, Cục thi hành án dân sự tỉnh A và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan tham gia thủ tục phá sản có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét lại quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản, cụ thể như sau:

- Ngày 12/7/2019, ông Nguyễn Văn Th, ông Đỗ Văn R và bà Lê Thu P, đều trú tại tổ 4, phường I, thành phố A, đại diện cho hơn 200 công nhân, viên chức của Công ty Cổ phần C, có đơn gửi Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị xem xét, giải quyết việc Công ty Cổ phần C nợ lương (từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2012), bảo hiểm xã hội (từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 12/2012), bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, thai sản, quỹ Phụ nữ, quỹ Công đoàn và các chế độ khác đối với người lao động tại Công ty. Nhiều đơn vị và cá nhân có đơn yêu cầu xác nhận là chủ nợ hoặc không có liên quan đến việc nợ đối với Công ty Cổ phần C, như: Công ty Cổ phần X9 thuộc Tổng

Công ty Cổ phần VCN, địa chỉ tại Tầng 45, Tòa nhà VCN 9 - Lô HH2, đường G, phường M, quận L, thành phố N; Công ty XL, địa chỉ tại 33b PN, phường Tr, quận K, thành phố N; ông Lê Quốc Q, địa chỉ tại 29 phường F, thành phố A, tỉnh A; ông Lê Ngọc E, địa chỉ tại Tổ 1, phường Y, thành phố A, tỉnh A; ông Nguyễn Thanh X, địa chỉ tại Tổ 3, phường Y, thành phố A, tỉnh A; ông Nguyễn Văn B, địa chỉ tại Tổ 7, phường Y, thành phố A, tỉnh A; bà Đoàn Thị Đ, địa chỉ tại Tổ 8, phường Y, thành phố A, tỉnh A; bà Phạm Kim K, địa chỉ tại Tổ 6, phường I, thành phố A, tỉnh A; bà Phạm Thị D (vợ ông Lương Văn V là Công nhân của Công ty, đã chết), địa chỉ tại Tổ 4, phường I, thành phố A, tỉnh A; bà Trịnh Thị Hải Ch, địa chỉ tại Tổ 6, phường Y, thành phố A, tỉnh A.

- Ngày 11/02/2019, Cục thi hành án dân sự tỉnh A đã ban hành Công văn số 34/CTHADS-NV và sau đó ra tiếp tục ra các văn bản kiến nghị số 138/CTHADS-NV ngày 09/4/2019, số 172/BC-CTHADS-NV ngày 21/7/2019, số 425/CTHADS-NV ngày 22/8/2019 về việc đề nghị xem xét lại Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2019/QĐ-TBPS ngày 21/01/2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2019/QĐ-PS ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh A đối với Công ty Cổ phần C.

Sau khi nghiên cứu các đơn kiến nghị, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ việc phá sản doanh nghiệp, Tổ Thẩm phán - Hội đồng phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét thấy:

[1] Ngày 15 tháng 8 năm 2017, ông Nguyễn Xuân T, sinh ngày 07/4/1978, là Giám đốc Công ty Cổ phần C có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản do Công ty không còn khả năng tài chính để thanh toán các khoản nợ mặc dù đã nhiều lần cố gắng tái cơ cấu nhưng chưa thể thoát khỏi tình trạng phá sản. Sau khi tiếp nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và các tài liệu kèm theo của Giám đốc Công ty Cổ phần C, Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý và giải quyết vụ việc yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 8 của Luật phá sản năm 2014; các Điều 2,4,7 và 9 Thông tư số 01/2015/TT-CA ngày 08/10/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về Quy chế làm việc của các Tổ Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản.

[2] Xét đơn đề nghị xem lại quyết định phá sản doanh nghiệp đối với Công ty Cổ phần C, Tổ Thẩm phán - Hội đồng phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận thấy:

Công ty Cổ phần C tiền thân là Công ty Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh A, với nhiệm vụ chính là sản xuất gạch ngói tại NI-NS, đến năm 1995 Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh A cho phép tiếp nhận lại dự án xi măng lò đứng 8,2 vạn tấn/năm của xí nghiệp SĐ 7 và đổi tên thành Công ty sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng II A; ngày 08/6/2004, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 1668/QĐ-BGTVT tiếp nhận Công ty sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng II trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh A về làm đơn vị thành viên của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1; năm 2006, Công ty thực hiện việc cổ phần hóa, có vốn điều lệ là 20 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty xây dựng công

trình Giao thông I (CENCOI) nắm giữ 51% cổ phần và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 25/12/2006. Từ năm 2008 đến năm 2010, Công ty kinh doanh có lãi; từ năm 2011 doanh thu bán hàng giảm và kinh doanh lỗ; đến năm 2013, cơ bản Công ty phải dừng hoạt động, không thể khôi phục sản xuất.

Ngày 13/8/2014, Bộ GTVT có Văn bản số 9995/BGTVT-QLDN về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần C.

Ngày 29/10/2014, Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty Cổ phần (CENCOI) có Thông báo số 1184/TCT-QLV về kết quả thực hiện thoái vốn ở Công ty Cổ phần C (đã bán 96% số cổ phần). Việc đấu giá chào bán cổ phần Công ty Cổ phần C thông qua tổ chức tài chính trung gian là Công ty Cổ phần CSG, kết quả Nhà đầu tư trúng giá là bà Nguyễn Thị Ph, trú tại Tổ 2, Cụm 1, phường O, quận HY, thành phố N. Trong hồ sơ chào bán cổ phần, tại Đơn cam kết ghi ngày 02/10/2014 bà Nguyễn Thị Ph đã cam kết thực hiện các nghĩa vụ thanh toán nợ, trong đó có nợ lương và bảo hiểm xã hội cho người lao động, cam kết tiếp nhận và sử dụng nguyên trạng số lao động chờ việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng của người lao động;

Trong quá trình sử dụng lao động, Công ty Cổ phần C không đóng đầy đủ, kịp thời các khoản bảo hiểm theo quy định. Đến nay, theo kết quả thanh tra, Công ty còn nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi trả chế độ ốm đau, thai sản, chế độ tiền lương đối với người lao động với tổng số tiền 9.606,8 triệu đồng, trong đó: Việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động: Hàng tháng, Công ty đã thực hiện trích đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tiền lương của người lao động nhưng nộp không đầy đủ cho Bảo hiểm xã hội tỉnh A theo quy định tại Luật bảo hiểm xã hội với số tiền là 6.270,4 triệu đồng; chưa chi trả đầy đủ các chế độ về tiền lương, ốm đau, thai sản cho người lao động số tiền là 3.336,4 triệu đồng, trong đó: Tiền lương và các khoản khác là 3.150,3 triệu đồng; chế độ ốm đau, thai sản là 186,1 triệu đồng.

Nội dung đơn đề nghị của các ông, bà Nguyễn Văn Th, Đỗ Văn R và Lê Thu P, đại diện cho hơn 200 cán bộ, công nhân, viên chức của Công ty Cổ phần C cũng như kiến nghị của Cục thi hành án dân sự tỉnh A gửi các cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét về việc nợ lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác với tổng số tiền nợ đến nay đã lên tới 9.606,8 triệu đồng, song không được Tòa án nhân dân tỉnh A giải quyết triệt để.

Xem xét về quá trình giải quyết vụ việc của Tổ Thẩm phán - Tòa án cấp sơ thẩm, Tổ Thẩm phán - Hội đồng phúc thẩm nhận thấy, khi áp dụng các quy định của pháp luật về thủ tục phá sản doanh nghiệp, Tổ Thẩm phán cũng như Tòa án cấp sơ thẩm còn có những sai sót rất cơ bản sau đây:

1. Chưa xác định đầy đủ người tham gia thủ tục phá sản:

Theo quy định tại Điều 9 của Luật Phá sản xác định nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán khi tiến hành thủ tục phá sản là: Trong trường hợp cần thiết phải

tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản (khoản 1).

Người tham gia thủ tục phá sản là chủ nợ; người lao động; doanh nghiệp mất khả năng thanh toán; cổ đông, nhóm cổ đông; người mắc nợ của doanh nghiệp và những người khác có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết phá sản. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định những thành phần có liên quan tham gia vào quá trình giải quyết như: Nhà đầu tư trúng giá là bà Nguyễn Thị Ph, trú tại Tổ 2, Cụm 1, phường O, quận HY, thành phố Hà Nội, Bộ giao thông vận tải, Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1- Công ty Cổ phần (CENCOI), Công ty ST, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh; các ngân hàng cầm cố, thế chấp phát mại tài sản, Sở Tài nguyên và Môi trường và những người khác. Thậm chí Quyết định tuyên bố phá sản còn chưa có danh sách đầy đủ cổ đông của Công ty Cổ phần C dẫn đến không thể thực hiện được việc phân chia tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 54 của Luật phá sản 2014.

Nội dung nêu trên khẳng định, quá trình giải quyết ở sơ thẩm không xác định và đưa đầy đủ những người tham gia quá trình thực hiện thủ tục phá sản dẫn đến giải quyết vụ án không triệt để.

2. Gửi thông báo không đầy đủ:

Theo quy định tại Điều 109 của Luật Phá sản về việc gửi và thông báo quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản, khoản 1 quy định: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, Tòa án nhân dân phải thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật này; đồng thời gửi trích lục tuyên bố phá sản trong trường hợp quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp cho Sở Tư pháp nơi Tòa án nhân dân có trụ sở. Tuy nhiên gửi không đầy đủ nên nhiều thành phần không nhận được quyết định, trong đó có cả các chủ nợ, là không đảm bảo quyền lợi của đương sự.

3. Chưa điều tra, xác minh làm rõ:

Quá trình giải quyết việc phá sản, Thẩm phán có thể triệu tập các phiên họp với sự tham gia của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, chủ doanh nghiệp hoặc đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bị yêu cầu mở thủ tục phá sản, cá nhân, tổ chức có liên quan để xem xét, kiểm tra các căn cứ chứng minh doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và giải quyết triệt để hậu quả khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản.

Theo kết luận của Thanh tra Chính phủ: Bà Nguyễn Thị Ph hiện nay là Giám đốc Công ty Cổ phần ST (Nhà đầu tư mới) đã thực hiện hỗ trợ cho số công nhân lao động trực tiếp với số tiền là 1.392.756.226 đồng tại Biên bản làm việc ngày 03/9/2019 với Tổ công tác của Thanh tra Chính phủ và Lãnh đạo tỉnh A theo đơn cam kết ngày 02/10/2014 về việc giải quyết các quyền lợi, chế độ cho người lao động Công ty Xi măng I. Tương tự như vậy, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh A (Agribank) hỗ trợ

tiền lương cho người lao động với số tiền là 1.500.000.000 đồng tại Biên bản làm việc với Tổ công tác và Lãnh đạo tỉnh A ngày 03/9/2019. Tuy nhiên, theo ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh A cho rằng số liệu này là không chính xác.

Trong vụ việc này, không đảm bảo quyền lợi cho người lao động là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc khiếu kiện đông người, gửi đơn thư đến Thủ tướng Chính phủ là do không có kinh phí chi trả cho các khoản nợ lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản và một số chế độ khác cho người lao động, đặc biệt là khoản nợ cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh làm căn cứ chốt sổ bảo hiểm cho hơn 338 công nhân của Công ty Cổ phần C. Do đó, để tránh tình trạng khiếu kiện kéo dài, gây phức tạp ảnh hưởng đến an ninh, trật tự địa phương thì vấn đề này cần phải được quan tâm xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, tất cả các nội dung liên quan đến quyền lợi của người lao động chưa được quyết định rõ ràng, cụ thể trong Quyết định tuyên bố phá sản.

Cũng như trên đã nêu: Quá trình giải quyết việc phá sản, Thẩm phán chưa thực hiện đầy đủ các quy định về thông báo phá sản đến những người tham gia thủ tục phá sản, trong đó có những người lao động của Công ty dẫn đến nhiều quyền lợi của người lao động chưa được đề cập trong quyết định phá sản nhưng người lao động không biết để thực hiện quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại điểm d Điều 108 của Luật Phá sản quy định: Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản: “Chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản; đình chỉ giao dịch liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã; chấm dứt thực hiện nghĩa vụ tính lãi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã; giải quyết hậu quả của giao dịch bị đình chỉ; tuyên bố giao dịch vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu; **chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động, giải quyết quyền lợi của người lao động**; Tuy nhiên, Quyết định phá sản **chưa có danh sách người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động** là căn cứ để người lao động xác nhận thôi việc tại Công ty theo thủ tục phá sản để thanh toán các quyền lợi chế độ khác theo quy định của pháp luật.

Quá trình hoạt động Công ty đã ký hợp đồng lao động đối với rất nhiều người lao động, có thời điểm lên tới trên 300 lao động, tuy nhiên Tổ Thẩm phán của Tòa án cấp sơ thẩm cũng không tiến hành xác minh, thu thập những vấn đề có liên quan đến người lao động như các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác đối với người lao động theo các hợp đồng lao động của công ty?

Từ việc không điều tra, xác minh hoặc xác minh không đầy đủ như nêu ở trên, dẫn đến Tổ Thẩm phán của Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để quyết định cũng như cơ quan thi hành án cũng không thể thi hành về **"Thứ tự phân chia tài sản"** sau khi tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo quy định tại điểm b và điểm d khoản 1 Điều 54 của Luật phá sản 2014.

4. Xác định thiếu tài sản hoặc trùng về tài sản của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản:

4.1. Bảng kê danh mục tài sản đưa thiếu quyền tài sản là cổ phần tại Công ty Cổ phần xi măng S.

Theo Báo cáo số 25719/CV-TT ngày 25/7/2019 của Công ty hợp danh Quản lý và Thanh lý tài sản HT đề nghị xác minh làm rõ 300.000 cổ phần phổ thông của Công ty xi măng I tại Công ty cổ phần xi măng S nhưng chưa được cấp giấy xác nhận sở hữu. Tuy nhiên, Phụ lục số 05 kèm theo Quyết định phá sản chỉ có xác định là 260.000 cổ phần (tức là thiếu 40.000 cổ phần).

4.2. Về Danh mục tài sản của Công ty CP xi măng I có nhiều tài sản trùng với Công ty cổ phần ST:

Tại Công văn số 03/CV-CTST ngày 08/08/2019, Công ty cổ phần ST đề nghị không liệt kê tài sản đã qua bán đấu giá...

Đối chiếu với các tài sản trong danh mục tài sản theo Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2019/QĐ-TBPS ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh A cho thấy: Bảng kê danh mục tài sản của Công ty xi măng I tại khu vực Nhà máy xi măng có nhiều tài sản là của Công ty cổ phần ST đã mua từ các Ngân hàng khi đấu giá tài sản thế chấp của Công ty Cổ phần C.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Ngày 14/8/2019, Cục thi hành án dân sự tỉnh A có Công văn số 433/CTHADS-NV gửi Tòa án nhân dân tỉnh A đề nghị xem xét theo nội dung đề nghị của Công ty ST, đồng thời yêu cầu Công ty HT kiểm tra rà soát lại danh mục tài sản của Công ty Cổ phần C. Ngày 27/8/2019, Cục thi hành án dân sự tỉnh A nhận được Công văn số 198/CV-PS ngày 19/8/2019 của Công ty HT về việc lập lại danh mục tài sản Công ty Cổ phần C. Nội dung Công văn khẳng định các tài sản được liệt kê theo Công văn số 03/CV-CTST của Công ty ST thuộc quyền sở hữu của Công ty ST. Quá trình tổ chức thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh A xem xét nội dung Công văn của Công ty HT, đối chiếu với danh mục tài sản theo Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2019/QĐ-TBPS, cho thấy giá trị tài sản còn lại theo bảng kê danh mục tài sản là 9.621.344.109 đồng, trong đó có các tài sản khu vực Nhà máy xi măng đang trùng với các tài sản mua trúng đấu giá của Công ty cổ phần ST với giá trị tài sản là 6.536.973.735 đồng. Trên thực tế hiện nay Công ty ST đã tháo dỡ và chuyển một số tài sản ra khỏi nhà máy.

5. Chưa quyết định rõ ràng việc xử lý tài sản đảm bảo:

Quá trình giải quyết phá sản trong giai đoạn mở thủ tục phá sản, Tổ Thẩm phán không thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh A (Agribank A).

Sau khi có Quyết định mở thủ tục phá sản, xác định tài sản bảo đảm của Công ty gồm: Tài sản thế chấp nhà trụ sở Văn phòng cùng một số công trình xây dựng trên diện tích đất tại Khu văn phòng và tài sản cầm cố 640.000 cổ phần của Công ty Cổ phần xi măng S đã được giải quyết bằng Bản án số 03/KDTM-PT ngày 28/07/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh A, hiện nay Chi cục thi hành án dân sự thành phố A đã đình chỉ thi hành án.

Như vậy, khi tuyên bố phá sản, Tòa án nhân dân tỉnh A đưa các nội dung xử lý tài sản bảo đảm vào Quyết định tuyên bố phá sản là không đúng theo quy định tại Điều 53 Luật Phá sản 2014 dẫn đến việc ra quyết định thi hành án và thực hiện nội dung này gặp nhiều khó khăn.

6. Vướng mắc liên quan đến danh sách chủ nợ:

Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2019/QĐ-TBPS ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh A chưa xác định Phụ lục số 04 - Bảng lương và các khoản phụ cấp khác là danh sách chủ nợ mà chỉ mới xác định chủ nợ theo Phụ lục 06 Danh sách chủ nợ.

Tuy nhiên theo quy định tại Điều 66, 67 của Luật phá sản năm 2014 thì chỉ có các chủ nợ tại mục I Phụ lục 06 “Danh sách chủ nợ” mới đủ điều kiện đưa vào Danh sách chủ nợ. Đối với Mục II của Phụ lục 06 về “Danh sách chủ nợ” không đủ điều kiện đưa vào danh sách chủ nợ, do đó những người này không được hưởng giá trị tài sản của doanh nghiệp khi phân chia tài sản.

7. Vướng mắc liên quan đến danh sách người mắc nợ:

Theo quy định tại Điều 68 của Luật phá sản năm 2014 về việc Lập danh sách người mắc nợ. Tại khoản 1 quy định: Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải lập danh sách những người mắc nợ doanh nghiệp mất khả năng thanh toán. Danh sách người mắc nợ phải ghi rõ tên, địa chỉ, quốc tịch, căn cước của người mắc nợ hoặc đại diện người mắc nợ, số nợ của mỗi người mắc nợ, trong đó phân định rõ khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn.

Theo Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án nhân dân tỉnh A gồm có 03 Phụ lục, gồm: Phụ Lục 01: Danh sách người mắc nợ không có khả năng thu hồi, Phụ lục 2: Danh sách người mắc nợ theo Chương trình 925 của Ủy ban nhân dân tỉnh A, Phụ lục 3: Danh sách người mắc nợ có địa chỉ và có khả năng thu hồi). Tuy nhiên, trong Quyết định tuyên bố phá sản **không có nội dung: “thu hồi khoản nợ từ người mắc nợ”** theo phụ lục nào.

Thêm nữa: Tại Phụ Lục 01: Danh sách người mắc nợ không có khả năng thu hồi ghi nhận các trường hợp này đều không có địa chỉ hoặc không có tài liệu để đối chiếu, do đó không thể thi hành án được.

Tương tự như vậy: Tại Phụ lục 2: Danh sách người mắc nợ theo Chương trình 925 của Ủy ban nhân dân tỉnh A. Theo báo cáo của Cục thi hành án dân sự tỉnh A: Sau khi nhận được Quyết định tuyên bố phá sản, Cục thi hành án dân sự tỉnh A đã có văn bản gửi đến các tổ chức mắc nợ ghi trong Phụ lục để yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan đến khoản nợ và đơn đốc thanh toán tiền nợ. Tuy nhiên, các cơ quan đơn vị trong danh sách đều có văn bản trả lời không có chứng từ theo dõi của đơn vị đối với khoản nợ này.

Theo Công văn số 3010/STC-TCDN ngày 21/08/2019 của Sở Tài chính tỉnh A xác định: “Đối với khoản nợ Chương trình 925 của các huyện với Công ty Cổ phần C, hàng năm Ủy ban nhân dân các huyện không báo cáo khoản nợ này, mặt khác số liệu thẩm định quyết toán hàng năm giữa Sở Tài chính tỉnh A

với các huyện, thành phố thuộc tỉnh không xác định khoản nợ của Công ty Cổ phần C. Để xác định được số thực hiện phát sinh thực tế đề nghị đơn vị phối hợp với các tổ chức cá nhân liên quan rà soát, tổng hợp và cung cấp đầy đủ các hồ sơ cho Sở Tài chính để Sở Tài chính nghiên cứu đề xuất.”

Như vậy, không thể xác định là khoản nợ mà các cơ quan tổ chức có tên tại Phụ lục 2 phải thanh toán, cho nên không thể đưa vào danh sách người mắc nợ. Theo quy định của Pháp luật về phá sản Tòa án chưa xác minh làm rõ về khoản nợ của người mắc nợ nên không thể thi hành án.

Thêm nữa, tại Phụ lục 3 về Danh sách người mắc nợ có địa chỉ và có khả năng thu hồi, theo danh sách có 09 đơn vị là phân xưởng (STT số: 31; 33; 34; 35; 83; 84; 85; 86; 87) tại cột ghi chú xác định là khoản “công nợ phân xưởng” với số tiền nợ 11.448.501.819 đồng. Tuy nhiên, tại cột “chứng từ” ghi nhận không có chứng từ đối chiếu, chưa tìm thấy hồ sơ đối với 06 trường hợp (Tại STT số: 34; 35; 83; 84; 86; 87).

Cũng theo nội dung công văn nêu trên của Sở Tài chính tỉnh A xác định: “Công ty Cổ phần C, doanh nghiệp “tổ chức bộ máy kế toán độc lập theo phương pháp nhật ký chứng từ chung trên phần mềm kế toán”, do đó khoản công nợ thuộc trách nhiệm của Công ty Cổ phần C và là khoản tăng lỗ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, do vậy, không thể xác định là khoản nợ của phân xưởng do đại diện phân xưởng phải thanh toán trả nợ cho Công ty. Mặt khác, **tại Phụ lục 3 cho thấy còn có một số người mắc nợ không có địa chỉ** khiến cho việc thi hành án cũng không thể thực hiện được.

8. Về việc phân chia tài sản:

Theo quy định tại Điều 54 của Luật phá sản 2014 xác định về "Thứ tự phân chia tài sản".

Tại Điều 17 của Luật phá sản 2014 còn quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự cũng đã nêu: "Phân chia tài sản của doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án nhân dân (khoản 5 của điều luật).

Về vấn đề này, xem xét nội dung Quyết định số 01/2019/QĐ-TBPS ngày 21/01/2019 và Quyết định sửa chữa bổ sung Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2019/QĐ-PS ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh A về việc Tuyên bố phá sản đối với Công ty Cổ phần C, Tổ Thẩm phán - Hội đồng phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận thấy cần lưu ý Tổ Thẩm phán của Tòa án cấp sơ thẩm như sau:

Tại Điều 54 của Luật Phá sản quy định về Thứ tự phân chia tài sản khi doanh nghiệp phá sản, theo đó: Trường hợp Thẩm phán ra quyết định tuyên bố phá sản thì tài sản của doanh nghiệp, theo thứ tự ưu tiên thanh toán phải là **quyền lợi của người lao động sẽ được xem xét trước các nghĩa vụ tài chính đối với cơ quan nhà nước và các khoản nợ khác của doanh nghiệp.**

Để một quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản thì cần phải thể hiện rõ các nội dung cơ bản sau đây:

Tòa án tuyên bố chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp phá sản; đình chỉ giao dịch liên quan đến doanh nghiệp; chấm dứt thực hiện nghĩa vụ tính lãi đối với doanh nghiệp; giải quyết hậu quả của giao dịch bị đình chỉ; tuyên bố giao dịch vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu; **chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động, giải quyết quyền lợi của người lao động**; chấm dứt quyền hạn của đại diện doanh nghiệp; **thanh lý tài sản và bán đấu giá tài sản còn lại của doanh nghiệp**; **phương án phân chia** giá trị tài sản sau khi tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo thứ tự phân chia tài sản quy định tại Điều 53, Điều 54 của Luật phá sản; **Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; cấm đảm nhiệm chức vụ sau khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản** theo quy định tại Điều 130 của Luật phá sản và giải quyết các vấn đề khác như án phí, quyền đề nghị xem xét lại quyết định...theo quy định của pháp luật.

Tổng hợp lại tất cả các vấn đề như đã nhận xét và phân tích ở trên, Tổ Thẩm phán - Hội đồng phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận thấy, việc điều tra thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ; việc áp dụng các quy định của Luật phá sản năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đúng; nội dung của quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản cũng chưa đầy đủ, không cụ thể và sẽ khó khăn cho công tác thi hành án, mà những nội dung nêu trên ở cấp phúc thẩm không thể bổ sung được hoặc nếu có bổ sung được thì cũng không đảm bảo quyền được đề nghị xem lại quyết định của các bên đương sự, cho nên cần phải hủy quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp của Thẩm phán (Tổ Thẩm phán) ở Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Khi giải quyết lại vụ việc phá sản, Tòa án cấp sơ thẩm cần lưu ý: Theo báo cáo số 172/BC-CTHADS-NV ngày 21/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh A về kết quả thi hành án đối với Quyết định số 01/2019/QĐ-TBPS ngày 21/01/2019 và Quyết định sửa chữa bổ sung Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2019/QĐ-PS ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh A về việc Tuyên bố phá sản đối với Công ty Cổ phần C thì đến thời điểm hiện nay đã thu được 299.374.290 đồng và số tiền lãi phát sinh hiện đang gửi tại Tài khoản tiền gửi do Cục thi hành án dân sự tỉnh A mở tại Ngân hàng Cổ phần thương mại Đầu tư và Phát triển A (Số tài khoản: 41110000494857), khi thụ lý, Tòa án nhân dân tỉnh A cần tiếp tục xem xét để xử lý trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng phân tích, nhận định như nội dung trên và đề nghị Hội đồng phúc thẩm hủy quyết định phá sản doanh nghiệp của Tòa án cấp sơ thẩm.

Về án phí: Do Tổ Thẩm phán cấp phúc thẩm đã hủy quyết định của Thẩm phán (Tổ Thẩm phán) của Tòa án cấp sơ thẩm, cho nên lệ phí phá sản và các chi phí khác được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ việc.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 112 của Luật phá sản năm 2014;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Quyết định số 01/2019/QĐ-TBPS ngày 21/01/2019 và Quyết định sửa chữa bổ sung Quyết định tuyên bố phá sản số 01/2019/QĐ-PS ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh A về việc Tuyên bố phá sản đối với Công ty Cổ phần C;

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh A giải quyết lại vụ việc yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp;

3. Lệ phí phá sản và các chi phí khác được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ việc.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2), phòng HCTP (2b);

TM. TỔ THẨM PHÁN-HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ngô Hồng Phúc